

Bản án số: 25/2020 /HC-PT  
Ngày: 26 /02 /2020  
V/v: “*Kiến quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 40/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐ-PT ngày 30/01/2020, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Ma Văn C; địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy ủy quyền của ông Ma Văn C chứng thực tại UBND xã E ngày 17/01/2020 số 21 quyền số 01/TP-SCT/HĐGD; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích, hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Đình B. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; có mặt tại phiên tòa.

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk: Ông Lê Thăng L; địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Ông Lê Thăng L ủy quyền cho ông Y Thăng E – Phó Chủ tịch UBND huyện E theo Giấy Ủy quyền số 07/GUQ-UBND ngày 14/01/2020 tham gia

phiên tòa phúc thẩm. Ông Y Thắng E có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/02/2020.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông N; địa chỉ: B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**4. Người làm chứng:**

4.1. Ông Trần Văn N; địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ông N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

4.2. Bà Trương Thị H; địa chỉ: huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.3. Ông K (YLN); địa chỉ: xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.4. Ông Ksor Y B; địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.5. Ông Bùi Chiến T; địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.6. Ông Lục Văn S; địa chỉ: Thôn 9B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.7. Ông Trần Đình V; địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, người khởi kiện ông Ma Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Ma Văn C trình bày:*

Vào khoảng cuối năm 1997 gia đình Ông nhận chuyển nhượng đất của ông A; Trú tại B, xã E, huyện E, 01 một lô đất khoảng 3 ha (khoảng 30000m<sup>2</sup>), tại thôn 10, xã E, sau khi nhận chuyển nhượng lô đất trên, gia đình tôi đã canh tác trồng lúa, bắp, trồng cà phê ổn định cho đến nay không tranh chấp.

Năm 2010, ông N cho rằng ông C chiếm đất nên đã khiếu nại yêu cầu UBND xã E giải quyết. Quá trình giải quyết tại UBND xã E, huyện E không thành, UBND xã E đã chuyển hồ sơ tranh chấp giữa ông N với Ông lên UBND huyện E để giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả UBND huyện E không làm việc với các đương sự nhưng đã ban hành Quyết định hành chính số 2721/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận đơn khiếu nại của ông N, và chia đôi lô đất của tôi cho ông N. Tuy nhiên, quá

trình từ năm 2010 cho đến nay UBND huyện E không giao Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 cho tôi. Đến nay, tôi biết được vụ việc của tôi đã được UBND huyện giải quyết và ban hành Quyết định trên, nên tôi trực tiếp đến UBND huyện E xin được cấp Quyết định hành chính số 2721/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E - Đắc Lắc.

Ngày 14/12/2018 UBND huyện đã lập biên bản giao nhận Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai cho Ông (giao quyết định bản gốc của Quyết định 2721/QĐ- UBND).

Sau khi nghiên cứu Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện E, Ông không đồng tình với quan điểm giải quyết của UBND huyện E, tỉnh Đắc Lắc đối với Quyết định trên vì:

Lý do, lô đất Ông nhận chuyển nhượng từ năm 1997 và canh tác ổn định từ ngày nhận chuyển nhượng đất cho tới nay. Cụ thể: ban đầu trồng lúa, trồng bắp cho đến trồng cà phê, tiêu. Còn đối với ông N cho rằng năm 2000 ông khai phá lô đất khoảng 2 ha và đã bỏ đất hoang và cũng từ năm 2000 cho đến nay ông Nay Y Lô cũng không canh tác sản xuất trên lô đất này.

Xét thấy Quyết định hành chính số 2721/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắc Lắc đã vi phạm pháp luật trong quá trình xem xét giải quyết, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Ông, nên Ông làm đơn khởi kiện hành chính đối với Quyết định số 2721/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắc Lắc.

Yêu cầu Tòa án áp dụng pháp luật để tuyên hủy Quyết định hành chính số 2721/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắc Lắc về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N với ông, để trả lại quyền lợi hợp pháp của Ông theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản tự khai Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:*

Về thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N và ông Ma Văn C tại thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, nội dung ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E:

- Ngày 11/5/2009, UBND huyện có công văn số 459/UBND-VP về việc giải quyết đơn của ông N. Trong đó giao cho trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã E giải quyết đơn của ông Nay Y Lô trú tại B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày 15/5/2009 UBND xã E đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại thực địa lô đất hiện đang tranh chấp và tổ chức hòa giải nhưng không thành.

- Ngày 06/7/2009 đến ngày 03/3/2010 Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành làm việc với UBND xã và ông N, ông Ma Văn C và những người biết rõ quá trình sử dụng đất để xác minh nguồn gốc đất, đo đạc hiện trạng thửa đất đang tranh chấp.

- Ngày 02/8/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 144/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết tranh chấp trên.

- Trên cơ sở báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường, căn cứ vào Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N và ông Ma Văn C tại thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là đảm bảo về trình tự và nội dung theo quy định của pháp luật.

*\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N (Tên gọi khác là N):*

- Về nguồn gốc đất, Ông khai hoang năm 2001 và canh tác đến năm 2002 thì không canh tác nữa do ông C vào lấn chiếm. Ông có khởi kiện ra xã E để giải quyết nhưng không nhớ năm nào. Sau đó Ủy ban xã có giải quyết nhưng lằng nhằng và không hiệu quả.

- Khi UBND huyện E giải quyết, tôi có được mời lên một lần. Khi UBND huyện giải quyết bằng quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E tỉnh Đắk Lắk, tôi không được nhận nhưng nghe nói kết quả là tôi được một nửa, ông C được một nửa. Do chia mỗi người một nửa quá ít nên Ông không vào làm nữa. Ông để ông C sử dụng luôn và không tranh chấp gì với ông C cả. Hiện nay, ông Ma Văn C khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E tỉnh Đắk Lắk, do ông C vẫn làm từ đó đến giờ, tôi cũng không có ý kiến gì nữa để

ông C làm. Tôi không có tranh giành hay tranh chấp gì với ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm a khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009, khoản 1 Điều 160, Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai năm 2003; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn C về việc hủy Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2019 ông Ma Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho ông Ma Văn C Luật sư Nguyễn Đình B và người đại diện theo ủy quyền của ông Ma Văn C là ông M trình bày: Phiên tòa mở lần thứ hai đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và những người khác; giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và có sự thay đổi như sau: Việc UBND huyện E ra Quyết định 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 là không đúng quy định của Luật đất đai và Nghị định số 181/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Luật đất đai, nguồn gốc đất ông C mua lại bằng giấy viết tay từ năm 1997 và liên tục sử dụng, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên hủy quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ông Ma Văn C và ông N tranh chấp đất với nhau nhưng cả hai điều không có giấy tờ gì để chứng minh; Chủ tịch UBND huyện E căn cứ vào tình hình sử dụng đất của hai hộ chia đôi diện tích đất cho hai hộ là đúng, Tào án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn C là đúng, tại Tòa phúc thẩm không có chứng cứ nào mới khác, do đó đề nghị bác kháng cáo của ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, kiểm sát viên và đại diện người khởi kiện đề nghị tiếp tục xét xử, do đó Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ma Văn C, thấy:

[2.1] Về thẩm quyền và tư cách tham gia tố tụng: Ông Ma Văn C khởi kiện hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch UBND huyện E; Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết và xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện E là đúng quy định khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2.2] Xét kháng cáo về hình thức nội dung Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk thấy: Diện tích đất ông Ma Văn C tranh chấp và sử dụng có nguồn gốc của Lâm trường E sau đó UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao cho Nông trường H thuộc Công ty E quản lý và sử dụng; năm 2008, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao cho UBND huyện E quản lý và sử dụng theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 16/4/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; ông Ma Văn C tranh chấp với ông Nay Y Lô nhưng các bên đều không có giấy tờ về việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; UBND huyện EaH,leo khi giải quyết tranh chấp đã căn cứ vào hiện

trạng sử dụng đất thực tế tại địa phương phân chia mỗi bên được sử dụng ½ diện tích đất tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với thực tế sử dụng đất của hai hộ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông Ma Văn C kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ tài liệu nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình; do đó Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ma Văn C giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Vì kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm; tuy nhiên, Ông Ma Văn C sinh năm 1942 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó Ông không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 225, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi bổ sung năm 2009, khoản 1 Điều 160, Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Ma Văn C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 24/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn C về việc yêu cầu hủy Quyết định

số 2721/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ma Văn C phải chịu 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông C đã nộp đủ và chi phí xong.

Về án phí: Ông Ma Văn C được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Tuấn**